



CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN
THEO THÔNG TƯ SỐ 14/2025/TT/NHNN

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026





Phương pháp công bố thông tin

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của VIB và được đăng theo quy định tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN, tại website của ngân hàng.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB tại đường dẫn:

<https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info>

Cam kết của Ban lãnh đạo về công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trong báo cáo này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



TỔNG QUAN

Nội dung công bố thông tin

Phạm vi tính toán

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính

Phương pháp quản trị và tính toán

VỐN TỰ CÓ

Cấu trúc vốn tự có

Phương pháp quản trị và tính toán

RỦI RO TÍN DỤNG

Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về rủi ro tín dụng đối tác

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Chính sách về quản trị rủi ro thị trường

Công bố thông tin về rủi ro thị trường

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu về VIB

Quản trị rủi ro và các hệ số an toàn của VIB

Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và lộ trình tuân thủ các chuẩn mực Basel



TỔNG QUAN

1 Tổng quan

Nội dung công bố thông tin

Thực hiện nội dung quy định Thông tư 14, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 76 – Thông tư 14, dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục V –Thông tư này và các nội dung VIB chủ động công bố khác không theo quy định.

Phạm vi tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 30/06/2026, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC), giá trị đầu tư là 3.500 tỷ đồng và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.



HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

2 Hệ số an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (**CAR**) tính theo đơn vị phần trăm (%) được xác định bằng công thức:

$$CAR = \frac{C}{RWA + 12,5(K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- **C**: Vốn tự có;
- **RWA**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;
- **K_{OR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;
- **K_{MR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

VIB đã ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 14 nhằm đưa ra nguyên tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, Hội đồng Vốn nhằm kiểm soát hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ CAR tuân thủ khẩu vị rủi ro và các hạn mức đã được phê duyệt.

Tỷ lệ an toàn vốn

30/06/2026

Đơn vị: triệu đồng, %

	Hợp nhất	Riêng lẻ
Vốn tự có	55,703,332	55,489,048
Vốn cấp 1	47,355,262	47,140,978
Vốn lõi cấp 1	47,355,262	47,140,978
Vốn lõi cấp 1 chưa giảm trừ	47,837,748	47,622,499
Các khoản giảm trừ khỏi vốn cấp 1	482,486	481,521
Vốn bổ sung vốn cấp 1	-	-
Vốn cấp 2	8,348,070	8,348,070
Vốn cấp 2 chưa giảm trừ	8,348,070	8,348,070
Các khoản giảm trừ khỏi vốn cấp 2	-	-
Tổng tài sản có rủi ro	473,967,675	477,978,625
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	449,155,059	452,898,135
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	1,960,456	1,960,456
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	105,545	105,545
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,722,628	1,744,058
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	10.0%	9.9%
Tỷ lệ vốn lõi cấp 1	10.0%	9.9%
Tỷ lệ an toàn vốn	11.8%	11.6%



	30/06/2026	
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ	%	
	Yêu cầu	VIB
Tỷ lệ vốn lõi cấp 1 (bao gồm CCB)	5.125%	9.9%
Tỷ lệ vốn cấp 1 (bao gồm CCB)	6.625%	9.9%
Tỷ lệ an toàn vốn (bao gồm CCB)	8.625%	11.6%

	30/06/2026	
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất	%	
	Yêu cầu	VIB
Tỷ lệ vốn lõi cấp 1 (bao gồm CCB)	5.125%	10.0%
Tỷ lệ vốn cấp 1 (bao gồm CCB)	6.625%	10.0%
Tỷ lệ an toàn vốn (bao gồm CCB)	8.625%	11.8%



VỐN TỰ CÓ

3

Quản trị vốn tự có

3.1. Cấu trúc vốn tự có

Vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 30/06/2026 chỉ bao gồm cổ phiếu phổ thông. Ngân hàng chưa phát sinh các công cụ bổ sung vốn cấp 1 đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư 14.

3.2. Phương pháp quản trị và tính toán

Từ 31/12/2025, VIB đã thực hiện xác định và tính toán vốn tự có cũng như tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN. Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và cấp 2, được xác định theo quy định tại Phụ Lục 1 - Thông tư 14. Vốn tự có được thường xuyên giám sát và quản lý bởi Hội đồng Quản lý Vốn, trong đó các phương án tăng vốn được đưa ra phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng.

VIB thực hiện quản trị vốn theo định hướng thận trọng, đảm bảo cân đối giữa hiệu quả sử dụng vốn và yêu cầu tuân thủ các tỷ lệ an toàn vốn theo quy định. Công tác quản lý vốn được triển khai trên cơ sở giám sát thường xuyên và đánh giá định kỳ, qua đó các phương án bổ sung vốn được xem xét phù hợp với nhu cầu tăng trưởng hoạt động và điều kiện thị trường.

Nhằm đảm bảo công tác quản trị vốn hiệu quả và an toàn, VIB thực hiện quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) với kế hoạch 3 năm tiếp theo, theo thông lệ quản trị rủi ro và phù hợp với quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. ICAAP được triển khai và cập nhật định kỳ tối thiểu 1 năm/lần, nhằm đảm bảo duy trì mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong cả điều kiện hoạt động bình thường và các kịch bản bất lợi. Kết quả ICAAP là cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, cũng như định hướng quản lý vốn trong từng giai đoạn.



4.1. Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định các chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc (TGD) quy định về các quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như các hạn mức rủi ro tín dụng theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các chính sách này được thẩm định, kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

Về hoạt động phê duyệt tín dụng, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho các cá nhân, và tập thể theo từng Khối kinh doanh trên nguyên tắc phân định rõ chức năng và phạm vi phê duyệt, cụ thể:

- Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL) và Khối Thẻ & Cho vay không có tài sản bảo đảm: Thẩm quyền phê duyệt được giao cho các cá nhân với hạn mức phù hợp, dựa trên bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên, tối thiểu 3 tháng/ lần, đồng thời, bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng cũng được rà soát phù hợp với khẩu vị rủi ro từng thời kỳ. Đối với thẩm quyền phê duyệt có hạn mức cao hơn, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho Cấp Tổ 2/3/4 xem xét
- Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN): VIB chủ yếu giao hạn mức phê duyệt tập trung cho cấp Tổ 1/Hội đồng tín dụng. Đối với cấp phê duyệt cá nhân, VIB chủ yếu giao thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân dựa trên TSBĐ là 100% tiền hoặc giấy tờ có giá do VIB phát hành.

VIB vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN.

Về tài sản bảo đảm (TSBĐ):

Để kiểm soát chất lượng tài sản dùng làm TSBĐ tại VIB, Ngân hàng thực hiện:

- Quy định điều kiện nhận và các loại tài sản không được nhận làm TSBĐ tại VIB; Quy định tỷ lệ cấp tín dụng tối đa (LTV) theo từng loại TSBĐ.
- Hạn chế nhận TSBĐ có tính thanh khoản kém, giá trị sử dụng thấp; tài sản tọa lạc tại địa bàn nông thôn, địa bàn xa, không có chi nhánh của VIB, hàng hóa, quyền tài sản, cổ phiếu.
- Thẩm quyền định giá đối với Khối KHCN: Định hướng tập trung giao thẩm quyền định giá cho VIB AMC theo Quy định nội bộ. Thẩm quyền định giá đối với KHDN: ưu tiên sử dụng VIB AMC, chỉ sử dụng Các công ty định giá bên ngoài có năng lực chuyên môn tốt và uy tín trên thị trường để thực hiện định giá.

Kiểm soát rủi ro sau cấp tín dụng:

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kết hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB cũng đã hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng cho phân khúc cho vay bán lẻ theo phương pháp Basel nâng cao (Basel Advance Internal Rating Model) theo yêu cầu của Thông tư 14 trong năm 2025, hoàn thành mục tiêu tiên phong tuân thủ Basel III theo đúng hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. VIB cũng ứng dụng kỹ thuật phân tích, xây dựng mô hình và báo cáo quản trị danh mục vào việc phân tích rủi ro và điều chỉnh chính sách định kỳ tại VIB. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

Việc ứng dụng sâu rộng các mô hình trong hoạt động tín dụng của VIB cũng nằm trong lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao đã được ngân hàng thống nhất và công bố từ năm 2020 theo đúng tinh thần và yêu cầu đối với các ngân hàng triển khai tuân thủ theo Basel III phương pháp nâng cao. VIB vẫn đang triển khai nhất quán về lộ trình này với mục tiêu ứng dụng các thông lệ quốc tế, đặc biệt là các thông lệ về quản trị rủi ro vào hoạt động kinh doanh.



4.2. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Chương II và Phụ lục IV- Thông tư 14.

Tài sản tính theo rủi ro tín dụng hợp nhất

Phân loại tài sản	30/06/2026	Tổng tài sản có rủi ro Triệu đồng
	Hệ số rủi ro trung bình %	
Tổng cộng		452,898,135
KPD Quốc gia, chính phủ, KPD của chính quyền địa phương, VAMC, DATC và KPD của TCTC quốc tế	0%	-
KPD TCTD, Chi nhánh NHNNg	66%	73,198,696
KPD kinh doanh chứng khoán	150%	50,753,598
KPD bất động sản đủ tiêu chuẩn	44%	43,727,158
KPD bất động sản không đủ tiêu chuẩn	126%	93,728,762
Cấp tín dụng chuyên biệt	0%	-
KPD doanh nghiệp vừa và nhỏ	85%	4,840,466
KPD doanh nghiệp khác	113%	89,227,534
KPD cá nhân	75%	69,257,522
Nợ xấu	130%	12,889,154
Các loại tài sản khác	113%	15,275,245

Tài sản tính theo rủi ro tín dụng riêng lẻ

Phân loại tài sản	30/06/2026	Tổng tài sản có rủi ro Triệu đồng
	Hệ số rủi ro trung bình %	
Tổng cộng		449,155,059
KPD Quốc gia, chính phủ, KPD của chính quyền địa phương, VAMC, DATC và KPD của TCTC quốc tế	0%	-
KPD TCTD, Chi nhánh NHNNg	66%	73,198,696
KPD kinh doanh chứng khoán	150%	50,753,598
KPD bất động sản đủ tiêu chuẩn	44%	43,727,158
KPD bất động sản không đủ tiêu chuẩn	126%	93,728,762
Cấp tín dụng chuyên biệt	0%	-
KPD doanh nghiệp vừa và nhỏ	85%	4,840,466
KPD doanh nghiệp khác	113%	89,227,534
KPD cá nhân	75%	69,257,522
Nợ xấu	130%	12,889,154
Các loại tài sản khác	100%	11,532,169



4.3. Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating.

Việc quy đổi thứ hạng tín nhiệm được thực hiện theo quy định của NHNN tại điều 24 thông tư 14.

Standard & Poor's	Moody's	Fitch Rating
AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	AAA, AA+, AA, AA-
A+, A, A-	A1, A2, A3	A+, A, A-
BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	BBB+, BBB, BBB-
BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-
B+, B, B-	B1, B2, B3	B+, B, B-
CCC+ và thứ hạng thấp hơn	Caa1 và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn

Tại kỳ báo cáo 30/06/2026, các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	30/06/2026	
		Triệu đồng	
		Hợp nhất	Riêng lẻ
Khoản phải đòi Chính phủ, NH TW các nước, tổ chức công lập của chính phủ, chính quyền địa phương các nước			
AAA, AA+, AA, AA-	0%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại VN			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	63,586	63,586
A+, A, A-	50%	135,300	135,300
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
A+, A, A-	50%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-	80%	20,899,486	20,899,486
B+, B, B-	100%	19,173,705	19,173,705
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	3,796,010	3,796,010



30/06/2026

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	Triệu đồng	
		Hợp nhất	Riêng lẻ
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)			
AAA, AA+, AA, AA-	10%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	20%	-	-
BB+, BB, BB-	40%	12,350,357	12,350,357
B+, B, B-	50%	14,782,172	14,782,172
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	1,998,080	1,998,080



4.4. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	30/06/2026	
	Triệu đồng	
	Hợp nhất	Riêng lẻ
Tổng cộng	268,035,469	268,035,469
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	-	-
Hoạt động kinh doanh bất động sản	50,272,226	50,272,226
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	469,939	469,939
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	127,410,727	127,410,727
Hoạt động dịch vụ khác	32,661	32,661
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	639,503	639,503
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	19,650,243	19,650,243
Công nghiệp chế biến, chế tạo	23,736,608	23,736,608
Xây dựng	15,125,229	15,125,229
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5,849,978	5,849,978
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	108,906	108,906
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1,728,631	1,728,631
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3,786,954	3,786,954
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	5,553,467	5,553,467
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	604,739	604,739
Khai khoáng	1,109,703	1,109,703
Vận tải kho bãi	8,467,638	8,467,638
Giáo dục và đào tạo	2,013,296	2,013,296
Thông tin và truyền thông	1,475,019	1,475,019



4.5. Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

Tại thời điểm 30/06/2026, danh mục rủi ro tín dụng của VIB được giảm thiểu bằng 02 biện pháp chính là sử dụng tài sản đảm bảo và thực hiện bù trừ nội bảng. Ngân hàng chưa phát sinh các khoản cho vay được giảm thiểu rủi ro bằng bảo lãnh của bên thứ 3 hay sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng.
Danh mục tài sản đảm bảo và bù trừ nội bảng tuân thủ theo quy định tại Điều 26 Thông tư 14.

Giảm thiểu rủi ro tín dụng	30/06/2026 hợp nhất	
	Trước giảm thiểu Triệu đồng	Sau giảm thiểu Triệu đồng
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng, trong đó:	482,502,737	449,155,059
Giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	222,106,273	195,884,992
Giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	47,689,580	40,563,183
Giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3	-	-
Giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	-
Không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	212,706,884	212,706,884

4.6. Công bố thông tin về rủi ro tín dụng đối tác

Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	30/06/2026	
	Triệu đồng	
	Hợp nhất	Riêng lẻ
Tổng cộng	1,960,456	1,960,456
Giao dịch tự doanh	1,108,296	1,108,296
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	106,846	106,846
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	736,177	736,177
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác	9,136	9,136



5.1. Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động phải được nhận dạng và kiểm soát đầy đủ trong tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống khác. Trong đó, ứng xử không khoan nhượng đối với các hành vi gian lận nội bộ. Đẩy mạnh văn hóa, nhận thức quản lý RRHD gồm (i) tổ chức đào tạo; (ii) truyền thông nội bộ; (iii) quản lý và báo cáo kịp thời RRHD; (iv) áp dụng cơ chế C & B và xử lý kỷ luật nghiêm minh.

Xây dựng và theo dõi hạn mức rủi ro hoạt động bao gồm tối thiểu hạn mức về mức độ tổn thất tài chính cho 6 nhóm hoạt động kinh doanh (gồm (i) hoạt động tạo thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự; (ii) hoạt động phát sinh chi phí lãi và các chi phí tương tự; (iii) hoạt động dịch vụ; (iv) hoạt động kinh doanh ngoại hối; (v) hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư; (vi) hoạt động khác) và hạn mức về mức độ tổn thất phi tài chính theo quy định tại thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có). Hạn mức rủi ro hoạt động phải được đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm, trong trường hợp tổn thất thực tế vượt hạn mức rủi ro hoạt động, phải có biện pháp tăng cường để kiểm soát, giảm thiểu rủi ro hoạt động đó trong tương lai.

Phát triển quản trị rủi ro hoạt động đối với các hoạt động thuê ngoài, bao gồm tối thiểu các nội dung: (i) Xác định phạm vi hoạt động thuê ngoài; (ii) Phân cấp thẩm quyền phê duyệt; (iii) Thẩm định năng lực của doanh nghiệp thuê ngoài; (iv) Có nguyên tắc thỏa thuận các hợp đồng thuê ngoài đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ, bảo vệ quyền sở hữu và bảo mật cơ sở dữ liệu, thông tin khách hàng và quyền chấm dứt hợp đồng thuê ngoài, mức độ và phạm vi hoạt động thuê ngoài, trách nhiệm cụ thể của ngân hàng và doanh nghiệp thuê ngoài; (v) Có kế hoạch duy trì hoạt động liên tục cho hoạt động thuê ngoài.

Thực hiện mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất phát sinh từ rủi ro hoạt động, nhưng không sử dụng việc mua bảo hiểm để thay thế quản lý rủi ro hoạt động. Việc mua bảo hiểm phải được đánh giá hiệu quả giảm thiểu tổn thất phát sinh từ rủi ro hoạt động, đánh giá năng lực của doanh nghiệp bán bảo hiểm trong việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm và các rủi ro hoạt động phát sinh liên quan.

Việc quản lý rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ được thực hiện thông qua việc nhận dạng nguy cơ phát sinh rủi ro hoạt động trong các hệ thống mạng kết nối nội bộ, hệ thống mạng kết nối bên ngoài, phần cứng, phần mềm, ứng dụng, giao diện giao dịch, vận hành và yếu tố con người trong các hoạt động ứng dụng công nghệ. Các hoạt động ứng dụng công nghệ phải được theo dõi, đánh giá khả năng duy trì hoạt động ổn định trước nguy cơ phát sinh rủi ro hoạt động.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục cho các Khối trong ngân hàng phải được chỉnh sửa và cải tiến định kỳ, tối thiểu bao gồm các nội dung:

- (i) Mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng;
- (ii) Hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố;
- (iii) Các sự kiện bất khả kháng (dịch bệnh, chiến tranh, thiên tai, cháy nổ...).

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Định kỳ hàng năm, VIB thực hiện xây dựng, kiểm thử, rà soát và cập nhật Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) trên toàn hệ thống, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì liên tục trước các tình huống gián đoạn và đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

VIB cũng từng bước triển khai các giải pháp công nghệ hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực ứng phó, duy trì và phục hồi hoạt động trong các tình huống gián đoạn.



Hướng tới việc đáp ứng các yêu cầu theo Thông tư 83/2025/TT-NHNN, trong năm 2026, VIB đã rà soát và cập nhật các quy định về quản lý, duy trì hoạt động liên tục, đồng thời tiếp tục hoàn thiện BCP phù hợp với những thay đổi về mô hình hoạt động, chức năng của các Khối/Ban và yêu cầu quản trị rủi ro.

5.3. Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên chỉ số kinh doanh trung bình của 3 năm gần nhất nhân với hệ số tổn thất nội bộ. Chỉ số kinh doanh và hệ số tổn thất nội bộ được xác định theo hướng dẫn tại Chương IV và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 14.

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	30/06/2026	
	Triệu đồng	
	Hợp nhất	Riêng lẻ
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,722,628	1,744,058
Hệ số tổn thất nội bộ (ILM)	0.56	0.56
Cấu phần tổn thất (LC);	39,775	39,775
Chỉ số kinh doanh (BI)	20,217,131	20,435,586
Cấu phần chỉ số kinh doanh (BIC)	3,081,084	3,120,405
Cấu phần lãi (ILDC)	10,833,442	10,859,198
Cấu phần dịch vụ (SC)	7,706,057	7,456,548
Cấu phần tài chính (FC)	1,677,632	2,119,840

10/11/2025
M
m: 0-
G
/ 4/



6.1. Chính sách về quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản trị rủi ro thị trường thường xuyên được rà soát và cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và cân bằng giữa nhu cầu kinh doanh với yêu cầu quản trị nội bộ. Để triển khai hiệu quả công tác quản trị rủi ro thị trường, Tổng giám đốc ban hành quy định quản trị rủi ro thị trường, quy định các hạn mức rủi ro thị trường dựa trên tham mưu, tư vấn của Hội Đồng Rủi ro.

Các trạng thái rủi ro thị trường thuộc sổ kinh doanh của VIB được đánh giá lại hàng ngày theo giá thị trường để xác định mức độ lãi/lỗ tiềm tàng và mức độ rủi ro thị trường nhằm cảnh báo và báo cáo để có các biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro. Dữ liệu thị trường được thu thập từ các nguồn tin cậy và được rà soát, đánh giá thường xuyên nhằm đưa ra các phân tích, khuyến nghị kịp thời và hiệu quả. Hạn mức rủi ro thị trường được giám sát chặt chẽ và cảnh báo kịp thời tới các đơn vị kinh doanh nhằm hạn chế các tổn thất tài chính có thể xảy ra do biến động bất lợi của yếu tố thị trường.

VIB áp dụng phương pháp đo lường giá trị tổn thất tối đa (Value at Risk- VaR) để đo lường rủi ro cho danh mục. Mô hình VaR sử dụng dữ liệu thị trường trong vòng 500 ngày làm việc gần nhất với ngưỡng tin cậy là 99%. Ngoài ra, VIB cũng thực hiện hậu kiểm mô hình VaR theo khuyến nghị của Basel, đối chiếu giữa mức lãi/lỗ thực tế của danh mục và giá trị VaR trong khoảng thời gian hậu kiểm là 1 năm với ngưỡng tin cậy là 99%.

VIB thực hiện kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng đối với các biến động về lãi suất, tỷ giá để xác định khả năng chịu đựng rủi ro thị trường định kỳ tối thiểu hàng Quý và/hoặc trong các trường hợp thị trường diễn biến căng thẳng. Phương pháp kiểm tra sức chịu đựng được VIB áp dụng tuân theo khuyến nghị của Basel là stress VaR, kịch bản dựa trên dữ liệu thị trường lịch sử 1 năm tại các thời điểm khủng hoảng, điều chỉnh thêm các yếu tố rủi ro nếu cần thiết. Việc tiến hành kiểm tra sức chịu đựng giúp VIB theo dõi và chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu rủi ro trước các biến động mạnh của thị trường.

VIB đã áp dụng chuẩn mực Basel 2 theo phương pháp mô hình nội bộ (IMA) trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường hàng ngày nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của ngân hàng và hỗ trợ hiệu quả các quyết định kinh doanh.

VIB hiện đang triển khai cùng đối tác xây dựng hệ thống giao dịch nguồn vốn (Treasury system) nhằm tối ưu hoạt động vận hành giao dịch các nghiệp vụ của Khối nguồn vốn. Hệ thống hỗ trợ quản lý tập trung và tự động hệ thống hạn mức rủi ro tới cấp độ từng giao dịch và toàn danh mục một cách kịp thời và chính xác, giảm thiểu rủi ro vận hành từ con người. Đồng thời, hệ thống giúp nâng cao công tác quản trị rủi ro một cách linh hoạt và tiết kiệm thời gian thông qua cơ chế tạo lập kịch bản giả định, hệ thống báo cáo đầy đủ và kịp thời tới các cấp phù hợp.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 30/06/2026: toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và giao dịch hoán đổi ngoại hối.



6.2. Công bố thông tin về rủi ro thị trường

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. VIB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất được xác định dựa trên vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất cụ thể phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố liên quan đến từng nhà phát hành và vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất chung phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố lãi suất thị trường, được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 14.

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối chỉ áp dụng đối với trường hợp tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm cả vàng) lớn hơn 2% vốn tự có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tại 30/06/2026, trạng thái ngoại hối của VIB chiếm ~0.02% vốn tự có. Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối được tính theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 14.

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	30/06/2026	
	Triệu đồng	
	Hợp nhất	Riêng lẻ
Tổng cộng	105,545	105,545
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	105,545	105,545
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-



7.1. Giới thiệu về VIB

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996, hiện trụ sở của Ngân hàng ở địa chỉ Số 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/06/2026, sau gần 30 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt 47.838 tỷ đồng. VIB hiện có hơn 9.554 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 1 Hội sở chính và 202 đơn vị kinh doanh bao gồm các chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh/thành phố trọng điểm trong cả nước.

VIB tiếp tục duy trì cơ cấu quản trị lành mạnh, tăng cường hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro, đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Nhờ duy trì nền tảng vận hành tinh gọn, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, VIB tiếp tục củng cố vị thế là một trong những ngân hàng có hiệu quả hoạt động và năng lực quản trị rủi ro tốt tại Việt Nam.

7.2. Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và lộ trình tuân thủ các chuẩn mực Basel

Chiến lược và khẩu vị rủi ro

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị quy định các Chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho tất cả các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro văn hóa và quản trị doanh nghiệp, rủi ro tuân thủ. Trong đó Chính sách chú trọng đưa ra các nguyên tắc quản lý rủi ro và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro quy định khẩu vị rủi ro đối với tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, chiến lược quản lý đối với từng loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đối với rủi ro tín dụng, rủi ro trọng yếu nhất của ngân hàng, VIB quy định chiến lược cho toàn hàng và theo từng Khối kinh doanh, chi tiết các chỉ số ngưỡng giới hạn, định hướng ưu tiên/hạn chế những hoạt động/ lĩnh vực/sản phẩm tín dụng/ khách hàng hoặc nhóm khách hàng/loại hình tài sản đảm bảo.

Tình hình thực hiện 3 trụ cột của Basel III

Với mục tiêu luôn đi đầu trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực quản trị rủi ro, VIB đã chủ động nghiên cứu Basel III, xây dựng và đưa vào sử dụng các mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ phục vụ cho hoạt động kinh doanh từ năm 2021. Năm 2023, VIB đã được NHNN tin tưởng lựa chọn là một trong 10 ngân hàng thí điểm Basel III và cũng đã đạt được những dấu ấn quan trọng:

- Tháng 12/2025, VIB đã chính thức hoàn thành triển khai Basel III theo phương pháp tiêu chuẩn, sớm hơn 5 năm so với quy định của NHNN tại Thông tư 14.
- Hoàn thành triển khai hệ thống tính toán vốn theo phương pháp xếp hạng tín dụng và cập nhật quy trình quy định nội bộ liên quan theo yêu cầu tại Thông tư 14.
- Chủ động triển khai quản trị rủi ro mô hình theo yêu cầu tại Thông tư 83/2025/TT-NHNN đối với các ngân hàng đăng ký áp dụng tính vốn theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ.
- Tháng 4.2026, VIB đã hoàn tất việc rà soát tuân thủ năm thứ nhất theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ bởi tổ chức kiểm toán độc lập uy tín.

Việc triển khai nhanh chóng và đạt kết quả tuân thủ sớm có được nhờ ngân hàng đã chủ động thực hiện đồng bộ trên nhiều phương diện:



- Về quản trị, HĐQT và BĐH thống nhất chủ trương, đầu tư vào hệ thống và liên tục giám sát, chỉ đạo sát sao tiến độ triển khai.
- Về công nghệ, VIB đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, từ hệ thống dữ liệu đầu nguồn đến các hệ thống tính toán, quản trị bao gồm hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn.
- Về dữ liệu, ngân hàng thực hiện làm sạch, chuẩn hóa và đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, đặt nền móng vững chắc cho việc phát triển các mô hình rủi ro.
- Về nhân lực, VIB chú trọng đào tạo và chuyển giao năng lực, với quy mô đội ngũ xây dựng và vận hành mô hình tăng gấp 4 lần so với năm 2020.

Tổng Giám đốc

Hàn Ngọc Vũ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HÀN NGỌC VŨ**



